

Số: 55/2021/QĐST-DS

Tân Phú Đông, ngày 31 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 30/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Văn T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh TG.

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị P, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện T, tỉnh TG.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Lê Hùng D, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh TG;

2. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh TG;

3. Ông Lê Văn C, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh TG;

4. Ông Lê Văn M, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh TG;
5. Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh TG;
6. Lê Thanh T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh TG;
7. Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh TG;
8. Lê Võ Thành N, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh TG;
9. Lê Thị Minh C, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh TG;
10. Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh TG;
11. Lê Thị Th, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp BA, xã VH, huyện G, tỉnh TG.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Lê Văn T được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng phần đất diện tích 2.690,2m², mục đích sử dụng đất trồng lúa nước, thuộc thửa 16, tờ bản đồ TDC1, địa chỉ thửa đất ấp T, xã T, huyện T, tỉnh TG, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 320 được Ủy ban nhân dân huyện GCT cấp ngày 21 tháng 11 năm 1997 cho hộ ông Lê Văn V, phần đất có tứ cận:

+ Đông giáp: Phần đất ông Lê Hùng D;

+ Tây giáp: Phần đất ông Lê Văn M;

+ Nam giáp: Phần đất ông Lê Văn Đ;

+ Bắc giáp: Tỉnh lộ 877B.

(Có sơ đồ đo đạc kèm theo)

- Ông Lê Văn T được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng phần đất diện tích 1.749,2m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 38, tờ bản đồ TDC1, địa chỉ thửa đất ấp T, xã T, huyện T, tỉnh TG, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 320 được Ủy ban nhân dân huyện GCT cấp ngày 21 tháng 11 năm 1997 cho hộ ông Lê Văn V, phần đất có tứ cận:

+ Đông giáp: Phần đất thuộc thửa 38 chia cho ông Lê Hùng D;

+ Tây giáp: Phần đất ông Lê Văn C;

+ Nam giáp: Phần đất thuộc thửa 38 chia cho ông Lê Hùng D và ông Lê Văn Đ;

+ Bắc giáp: Phần đất ông Lê Văn C và ông Lê Văn M.

(Có sơ đồ đo đạc kèm theo – ký hiệu trên sơ đồ là T-1)

- Ông Lê Hùng Dũng được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng phần đất diện tích 2.199,3m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 138, tờ bản đồ TDC1, địa chỉ thửa đất ấp T, xã T, huyện T, tỉnh TG, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 320 được Ủy ban nhân dân huyện GCT cấp ngày 21 tháng 11 năm 1997 cho hộ ông Lê Văn V, phần đất có tứ cận:

+ Đông giáp: Phần đất ông Lê Hùng D;

+ Tây giáp: Phần đất thuộc thửa 38 chia cho ông Lê Văn T và ông Lê Văn Đ;

+ Nam giáp: Kênh thủy lợi;

+ Bắc giáp: Phần đất ông Lê Hùng D.

(Có sơ đồ đo đạc kèm theo – ký hiệu trên sơ đồ là T-2)

- Ông Lê Văn Đ được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng phần đất diện tích 2.055,5m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 38, tờ bản đồ TDC1, địa chỉ thửa đất ấp T, xã T, huyện T, tỉnh TG, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 320 được Ủy ban nhân dân huyện GCT cấp ngày 21 tháng 11 năm 1997 cho hộ ông Lê Văn V, phần đất có tứ cận:

+ Đông giáp: Phần đất thuộc thửa 38 chia cho ông Lê Hùng D;

+ Tây giáp: phần đất ông Lê Văn C;

+ Nam giáp: Kênh thủy lợi;

+ Bắc giáp: Phần đất thuộc thửa 38 chia cho ông Lê Văn T.

(Có sơ đồ đo đạc kèm theo – ký hiệu trên sơ đồ là T-3 + T4)

- Ông Lê Văn T, Lê Hùng D, Lê Văn Đ được đến Cơ quan có thẩm quyền

để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Đình chỉ yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Lê Văn C.

*** Về án phí:**

- Ông Lê Văn T chịu 17.564.460đ (*Mười bảy triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm sáu mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 49739 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T ngày 05/4/2021 nên ông T phải nộp tiếp số tiền là 17.264.460đ (*Mười bảy triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm sáu mươi đồng*).

- Ông Lê Hùng D chịu 7.972.462đ (*Bảy triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi hai đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 49742 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T ngày 05/4/2021 nên ông D phải nộp tiếp số tiền là 7.672.462đ (*Bảy triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi hai đồng*).

- Ông Lê Văn Đ chịu 7.451.187đ (*Bảy triệu bốn trăm năm mươi một nghìn một trăm tám mươi bảy đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 49741 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông ngày 05/4/2021 nên ông Đ phải nộp tiếp số tiền là 7.151.187đ (*Bảy triệu một trăm năm mươi một nghìn một trăm tám mươi bảy đồng*).

- Hoàn lại ông Lê Văn C số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 49740 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông ngày 05/4/2021.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND h. Tân Phú Đông;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Ngọc Hải